

DÂN
TÒA ÁN NHÂN
HUYỆN HUNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 02-2020
V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Châu;

2. Ông Trần Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 07/2020/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ T G, sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú tại: X 12, xã H Tr, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị đơn: Anh N H Kh, sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú tại: X 12, xã H Tr, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng ngày 31/ 01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đ T G trình bày:

Chị Đ T G và anh N H Kh sống với nhau như vợ thành mà không đăng ký kết hôn từ năm 2012 đến nay. Hai bên chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trái quan điểm sống. Thấy tình cảm không còn nên chị Glàm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh N H Kh là vợ chồng; Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung N T H M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2012 và N H T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015. Vợ chồng không sống chung với nhau nữa, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản và các khoản nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa nguyên đơn chị Đ T G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, anh N H Kh trình bày: Anh K xác nhận thời gian, điều kiện sống chung mà không đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của anh và chị G đúng như cho P T G trình bày. Đến nay tình cảm giữa 2 người không còn nên anh đồng ý đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng; Về con chung: Họ tên và ngày tháng năm sinh của các đúng như chị G trình bày. Nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và khoản nợ, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận chị Đ T G và anh N H Kh không phải là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị Giao con chung N T H M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2012 cho chị Đ T G K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung N H T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho anh N H Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ T G và anh N H Kh. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Bị đơn là anh N H Kh có hộ khẩu thường trú tại X 12, xã H Tr, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đ T G và anh N H Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chung sống này không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm c Điều 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000. Căn cứ vào Điều 14; khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đ T G về việc: không công nhận quan hệ giữa chị Đ T G anh N H Kh vợ chồng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con chung của chị G và anh K là chính đáng. Chị G và anh K đều có công việc và thu nhập ổn định. Cháu H M mong muốn ở với mẹ, cháu Th mong muốn ở với bố và ông bà nội. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các con cũng như giảm bớt gánh nặng kinh tế cho chị G và anh K cần giao con chung N T H M cho chị Đ T G trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Giao con chung N H T cho anh N H Kh trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[4]. *Về tài sản và các khoản nợ*: Chị Đ T G và anh N H Kh không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc nguyên đơn là chị Đ T G phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58 luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

Tuyên bố:

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa chị Đ T G và anh N H Kh là vợ chồng.

2.*Về con chung*: Giao con chung N T H M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2012 cho chị Đ T G K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung N H T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho anh N H Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ T G và anh N H Kh.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và phải tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.*Về án phí*: Buộc chị Đ T G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0007341 ngày 31 tháng 01 năm 2020.

4.*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phan Hương